

Bản án số: 19/2021/HSST
Ngày 07/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Văn Sân**; Ông **Tần A Giao**.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hà Thị Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa:

Bà: **Bùi Thị Minh Quế** - Kiểm sát viên

Ngày 07/5/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 19/2021/TLST-HS ngày 20/4/2021, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HS ngày 23/4/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **TRỊNH CÔNG S**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Ngày, tháng, năm sinh: 1982; Nơi sinh: tỉnh Lạng Sơn; Nơi ĐKKHKT: Bản P, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn 6/12; con ông Trịnh Văn M, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1956; Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị T, sinh năm 1991 và hai người con, con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Trịnh Công S được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/2/2021 giao bị cáo cho UBND xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu quản lý theo dõi đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **LÊ VĂN T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Ngày, tháng, năm sinh: 1982; Nơi sinh: Huyện V, Yên Bái; Nơi ĐKKHKT: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Lê Văn T, sinh năm 1954 và bà Trần Thị T, sinh năm 1956; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là Quàng Thị P, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/2/2021 giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình quản lý theo dõi. Đến ngày 10/3/2021 bị bắt tạm giam (do vi phạm nghĩa vụ cấm đi khỏi nơi cư trú) hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện T (có mặt).

Bị hại: Anh Giàng Văn T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Bản L, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lò Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Bản P, xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu (có mặt).

Người làm chứng: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Bản Đ, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 19/02/2021, Trịnh Công S, điều khiển xe mô tô BKS 21F1 - 4361 của vợ là Lò Thị T, đi tìm mua Heroine để sử dụng cho bản thân. Khi đến nhà anh Giàng Văn T, sinh năm 1982, trú tại bản L2, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu nhưng không có ai ở nhà, S thấy trong chuồng có 01 con lợn cái lông màu đen khoảng 29kg (giống địa phương) Trịnh Công S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Biết phải có hai người mới trộm cắp được con lợn này nên S điều khiển xe mô tô đến Bản L1, xã T, trên đường đi S gặp Lê Văn T đang đi bộ về hướng xã S. Gặp T, S rủ T cùng nhau trộm cắp con lợn của anh T đem bán. Do muốn có tiền tiêu xài nên T đồng ý.

Son điều khiển xe mô tô chở T đến nhà anh T. Đến nơi S dựng xe mô tô trên lề đường bên phải theo hướng xã T đi xã S rồi cả hai đi bộ qua bờ hào giáp nương chè vào nhà anh T, khi đi đến chuồng lợn, T lấy một bao tải màu vàng cam dặt trên mái chuồng lợn đưa cho S, T dùng tay tháo thép lưới B40 được cài vào đỉnh tại cột tre mở cửa chuồng lợn để S vào trong chuồng trước, T vào sau. Vào bên trong chuồng T lừa lợn, S cầm miệng bao tải vừa lừa, vừa đón lợn chui vào trong bao tải, khoảng 05 - 06 phút thì cả hai bắt được con lợn cho vào trong bao tải. Sau khi bắt được con lợn T bê bao tải đựng lợn đi vòng ra đồi chè sau nhà anh T còn S đi bộ ra chỗ để xe mô tô rồi điều khiển xe chở Tuấn ngồi sau giữ sau đó cả hai đi đến chợ M, thuộc xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu tìm người để bán. Đến 16 giờ cùng ngày S và T bị công an xã M mời về trụ sở làm việc, do sợ chịu trách nhiệm nên T đã bỏ trốn về thành phố L. Tại Công an xã M, Trịnh Công S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 22/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện T kết luận: “*Một con lợn cái (giống địa phương) lông màu đen, có khối lượng 29 kg trị giá 3.480.000 đồng. Một bao tải màu vàng cam (bao tải cũ đã qua sử dụng) trị giá 0 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.480.000 đồng (Ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng)*”.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 xe mô tô BKS 21F1 - 4361, trên thân xe có chữ “HONDA”, “WAVE” kèm theo đăng ký xe; 01 bao tải màu vàng cam

Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 20/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố các bị cáo Trịnh Công S, Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 73/Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án về không gian, thời gian và địa điểm phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trịnh Công S, Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt, đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 73, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36/Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo Trịnh Công S, Lê Văn T mỗi bị cáo mức án từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, trừ thời gian 59 ngày tạm giam đối với Lê Văn T. Áp dụng Điều 328/Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên trả tự do cho bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa; Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47/Bộ luật hình sự, Điều 106/Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho chị Lò Thị T 01 xe mô tô BKS 21F1 - 4361 kèm theo đăng ký xe; Tịch thu 01 bao tải đen màu vàng cam đã qua sử dụng để tiêu hủy.

Quá trình điều tra và trong đơn xin vắng mặt, bị hại Giàng Văn T trình bày: Tài sản các bị cáo trộm cắp là 01 con lợn trọng lượng 29 kg đã được trao trả nên ông không có đề nghị gì thêm, về hình phạt đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lò Thị T trình bày: Chiếc xe mô tô BKS 21F1 - 4361 là tài sản hợp pháp của chị, khi bị cáo Trịnh Công S tự ý lấy chiếc xe nói trên đi trộm cắp tài sản đã không hỏi ý kiến chị, chiếc xe là tài sản hợp pháp của chị vì vậy đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án theo quy định tại các Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 42/Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các bị cáo không có

ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm: Vào ngày 19/2/2021, Trịnh Công S và Lê Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 con lợn cái lông màu đen nặng 29 Kg và 01 bao tải màu vàng cam có tổng giá trị 3.480.000 đồng của anh Giàng Văn T, sinh năm 1982, trú tại bản L2, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Hành vi các bị cáo Trịnh Công S, Lê Văn T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173/Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy mọi hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật và góp phần giữ vững tình hình an ninh trật tự trên địa bàn.

[4]. Về mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Trịnh Công S, Lê Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhằm mục đích bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

[5]. Về nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Trịnh Công S được sinh ra trong một gia đình lao động, được ăn học đến lớp 6, Lê Văn T được sinh ra trong một gia đình có bố, mẹ đều là cán bộ hưu trí, được ăn học đến lớp 10. Tuy vậy các bị cáo không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện bản thân, làm ăn lương thiện. Chỉ vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51/Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52/Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Tính chất nguy hiểm, hậu quả của hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra là ngang nhau, vì vậy các bị cáo phải chịu hình phạt tương đương nhau.

Xét thấy không cần cách ly các bị cáo mà tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo và góp phần phòng ngừa, đấu

tranh, phòng chống tội phạm. Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định vì vậy cần miễn hình phạt bổ sung, miễn khấu trừ thu nhập cá nhân cho các bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Chiếc xe mô tô BKS 21F1 - 4361 kèm theo đăng ký xe bị cáo Trịnh Công S dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và chở tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ. Theo quy định của pháp luật là phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được chiếc xe này là tài sản hợp pháp của chị Lò Thị T (là vợ bị cáo S), khi Trịnh Công S tự ý lấy chiếc xe nói trên để thực hiện hành vi phạm tội, chị Lò Thị T không biết, S không hỏi ý kiến chị T. Chiếc xe là tài sản có giá trị của gia đình, là phương tiện phục vụ sinh hoạt, làm ăn duy nhất của gia đình chị. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T và thuận lợi cho quá trình thi hành án, trên cơ sở đề nghị của chị Lò Thị T, HĐXX xét thấy cần trả lại chiếc xe này cho chị T là phù hợp; 01 con lợn trọng lượng 29 kg là tài sản các bị cáo trộm cắp đã được trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp, việc trao trả tài sản là phù hợp nên HĐXX không xem xét; 01 bảo tải các bị cáo sử dụng trong quá trình bắt trộm và chở tài sản trộm cắp đi bán là tài sản hợp pháp của bị hại Giàng Văn T, bị hại không có nhu cầu nhận lại, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp đã được thu hồi, trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp, bị hại không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[8]. Một số vấn đề liên quan trong vụ án:

Chị Lò Thị T là vợ của Trịnh Công S. Thỏa không biết việc S sử dụng xe mô tô BKS: 21F1-4361 là tài sản hợp pháp của chị T làm phương tiện phạm tội nên không đồng phạm với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Lê Văn T trong thời gian đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, bị cáo tự ý rời khỏi nơi cư trú, không xin phép chính quyền địa phương và cơ quan đã áp dụng biện pháp ngăn chặn, tự ý di chuyển đến thành phố L, tỉnh Lai Châu. Đến ngày 10/3/2021 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó cái lông màu vàng nặng 18 kg tại Tổ 25, Phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (đây là nguyên nhân bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam). Hiện Công an phường Đ đang lập hồ sơ xử lý theo quy định của pháp luật. Vì vậy không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 khoản 5 Điều 173, Điều 36, Điều 47, điểm s, điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58/Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 3 Điều 328, Điều 331, Điều 333/Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trịnh Công S, Lê Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trịnh Công S 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo cho UBND xã S, thành phố L, tỉnh Lai Châu quản lý, giám sát trong thời gian chấp hành hình phạt.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được trừ 59 (năm mươi chín) ngày tạm giam, tương đương 177 (một trăm bảy mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Nay buộc bị cáo phải chấp hành tiếp 12 (mười hai) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình quản lý, giám sát trong thời gian chấp hành hình phạt.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, miễn khấu trừ thu nhập cho cả hai bị cáo.

3. Về vật chứng: Trả lại cho chị Lò Thị T 01 xe mô tô BKS 21F1 - 4361 kèm theo đăng ký xe; Tịch thu 01 bao tải màu cam đã qua sử dụng của ông Giàng Văn T để tiêu hủy.

Các vật chứng nêu trên đang được bảo quản, lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 20/4/2021 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí: Các bị cáo Trịnh Công S, Lê Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Nhà TG;
- UBND xã S;
- UBND xã T;
- Người TGTT;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Trung Phước